

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH XUÂN LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 348/TTPTQĐ.CNXL

Xuân Lộc, ngày 07 tháng 10 năm 2026

V/v thực hiện các thủ tục niêm yết, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thành phần 1-2: Bồi thường hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Đồng Nai (cũ) nay là thành phố Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, đoạn qua địa bàn xã Xuân Quế, thành phố Đồng Nai. (đợt 7 và đợt 6 bổ sung)

Kính gửi: UBND xã Xuân Quế

Căn cứ Luật đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai ban hành quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026;

Thực hiện Văn bản số 8846/UBND-KTNS ngày 08/9/2026 của UBND thành phố Đồng Nai về việc xử lý khó khăn, vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ các dự án trọng điểm trên địa bàn thành phố.

Để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án đề ra và công tác phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện thủ tục lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, niêm yết công khai, thẩm định hồ sơ đối với 03 trường hợp ảnh hưởng dự án theo quy định. Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc kính đề nghị UBND xã Xuân Quế “*thực hiện niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã là 10 ngày*” theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội.

Để đẩy nhanh công tác lập, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh Xuân Lộc kính đề nghị UBND xã, Chủ tịch UBND xã Xuân Quế rà soát, thực hiện đảm bảo đúng quy định và tiến độ được giao./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTPTQĐ thành phố Đồng Nai (b/c);
- Lưu VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Huỳnh Ngọc Huệ

Số: 380/TB-TTPTQĐ.CNXL

Xuân Lộc, ngày 07 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO

V/v niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất thực hiện Dự án thành phần 1-2: Bồi thường hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Đồng Nai (cũ) nay là thành phố Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, đoạn qua địa bàn xã Xuân Quế, thành phố Đồng Nai.
(đợt 7 và đợt 6 bổ sung)

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Thực hiện Văn bản số 8846/UBND-KTNS ngày 08/9/2026 của UBND thành phố Đồng Nai về việc xử lý khó khăn, vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ các dự án trọng điểm trên địa bàn thành phố.

Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc phối hợp UBND xã Xuân Quế thông báo niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất thực hiện Dự án thành phần 1-2: Bồi thường hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Đồng Nai (cũ) nay là thành phố Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, đoạn qua địa bàn xã Xuân Quế, thành phố Đồng Nai. (đợt 7 và đợt 6 bổ sung) cụ thể như sau:

1. Thời gian niêm yết:

Thời hạn là 10 ngày, bắt đầu từ ngày 07 tháng 10 năm 2026 đến hết ngày 17 tháng 10 năm 2026.

2. Địa điểm, hình thức niêm yết:

- Tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Xuân Quế;

- Tại trụ sở ấp Xuân Tiên (*địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi*);

- Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân xã Xuân Quế.

3. Trong thời gian niêm yết, Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan, tổng hợp ý kiến của các hộ gia đình, cá nhân (*nếu có*) để gửi đến cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết; hết thời gian niêm yết nêu trên, Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc sẽ phối hợp các cơ quan có liên quan thực hiện các trình tự, thủ tục các bước tiếp theo theo quy định của pháp luật.

4. Kính đề nghị UBND xã Xuân Quế giúp chỉ đạo phòng Văn hóa - Xã hội đăng tải Thông báo kèm theo phương án dự kiến của 03 trường hợp hộ gia đình, cá nhân này trên cổng thông tin điện tử của UBND xã Xuân Quế và tiếp nhận thông tin, ý kiến của các hộ gia đình, cá nhân (*nếu có*) chuyển về Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc để tổng hợp.

5. Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc thông báo đến UBND xã Xuân Quế, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Xuân Quế, Ban nhân dân ấp Xuân Tiên và các hộ gia đình, cá nhân nơi có đất thu hồi được biết và có ý kiến đóng góp xin liên hệ đến Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc hoặc UBND xã Xuân Quế để được hướng dẫn, xem xét giải quyết.

(Đính kèm dự thảo các Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Phương án chi tiết của 03 trường hợp hộ gia đình, cá nhân)

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như mục 5;
- GD, PGĐ TTPTQĐ.CNXL;
- Lưu: VT- TPTQĐ.CNXL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Huỳnh Ngọc Huệ

Số:/PA-TTPTQĐ.CNXL
(Dự thảo)

Xuân Lộc, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN

**Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất thực hiện Dự án Thành phần 1-2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Đồng Nai thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua xã Xuân Quế.
(đợt 7 và đợt 6 bổ sung)**

Kính gửi: UBND xã Xuân Quế.

I. Căn cứ pháp lý:

1. Pháp lý chung:

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Ban hành Quy Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà; công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai Quy định về hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026.

2. Pháp lý dự án:

Căn cứ kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 03/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng Dự án thành phần 1-2: Bồi thường hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định 45/QĐ-TTPTQĐ ngày 17/3/2026 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đồng Nai về việc giao nhiệm vụ thực hiện Dự án thành phần 1-2: Bồi thường hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 08/KH-TTPTQĐCNCM ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Cẩm Mỹ về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện Dự án thành phần 1-2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Đồng Nai thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua xã Xuân Quế, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Công văn số 579/VPĐK.CM-ĐK&CGCN ngày 02/5/2026 của Văn phòng Đăng Ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Cẩm Mỹ về việc xác định vị trí Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Tp. Hồ Chí Minh (đoạn qua các xã Xuân Quế, Xuân Đường);

Thực hiện Văn bản số 8846/UBND-KTNS ngày 08/9/2026 của UBND thành phố Đồng Nai về việc xử lý khó khăn, vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ các dự án trọng điểm trên địa bàn thành phố.

II. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ KIẾN

1. Tổng diện tích thu hồi: 2323,7 m² .

Trong đó:

- Đất tôn giáo: 972,0 m².
- Đất trồng cây lâu năm: 1351,7 m².

2. Tổng số người có đất thu hồi: 03 trường hợp

Phương án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có người có đất thu hồi, trong đó:

- Tổ chức: 01 trường hợp.
- Hộ gia đình, cá nhân: 02 trường hợp

3. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: (không có)

4. Phương án bố trí tái định cư: (không có)

5. Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: (không có)

6. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi

Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi thuộc dự án BT, HT, TĐC thuộc dự án đường vành đai 4 Tp. Hồ Chí Minh đoạn qua xã Xuân Quế, Thành Phố Đồng Nai được thực hiện theo dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự kiến:

Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Phương án dự kiến: **2.350.312.221 đồng. (bằng chữ: Hai tỷ, ba trăm năm mươi triệu, ba trăm mười hai nghìn, hai trăm hai mươi một đồng)** cụ thể như sau:

- | | |
|---|--------------------|
| - Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất: | 852.517.190 đồng |
| - Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng: | 33.238.826 đồng |
| - Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc | 1.336.614.439 đồng |
| - Thuởng: | 36.000.000 đồng |
| - Chi phí cho công tác bồi thường: | 78.261.766 đồng |



Trong đó:

+ Trung Tâm Phát Triển quỹ đất Chi nhánh Xuân

Lộc:

66.522.501 đồng

+ UBND Xã Xuân Quế:

11.739.265 đồng

8. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Việc tổ chức thực hiện Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án BT, HT, TĐC thuộc dự án đường vành đai 4 Tp. Hồ Chí Minh đoạn qua xã Xuân Quế, Thành Phố Đồng Nai sau khi được UBND Xuân Quế phê duyệt được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 87 Luật Đất đai.

Triển khai công tác chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại Điều 94 Luật Đất đai và Điều 25 Nghị định 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

9. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản:

Kèm theo biểu tổng hợp và dự thảo Phương án chi tiết dự kiến của 03 hộ dân.

10. Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Đối với khoản tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai trừ vào tiền bồi thường đất (nếu có) được xác định tại thời điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ trên cơ sở thông tin về nghĩa vụ tài chính do Thuế cơ sở 2 thành phố Đồng Nai xác định theo trình tự, thủ tục của pháp luật và quy định của UBND thành phố Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- UBND xã Xuân Quế;
- TTPTQĐ Tp (để b/c);
- PGĐ TTPTQĐ.CNXL;
- Lưu: VT- TTPTQĐ.CNXL;

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Huỳnh Ngọc Huệ

Dự án Thành phần 1-2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Đồng Nai thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua xã Xuân Quế

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Diện tích đất thu bồi (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)				Diện tích đất hỗ trợ (m ²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ vật nuôi	Giá trị bồi thường, hỗ trợ tái định cư khác	Bồi thường chi phí di chuyển	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng đối với người có đất thu bồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và thưởng	Chi chú
			Nông nghiệp	Phụ Nông nghiệp	Trong đó đất trồng lúa	Trong đó đất ở											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Giáo xứ Xuân Nhàn	972,00			-	-	-		1.336.614.439	28.710.706	-	-	-		20.000.000	1.385.325.145	
2	Ông Đặng Văn Quang và bà Nguyễn Bạch Tuyết	665,90			-	-	-	419.983.130	-	4.528.120	-	-	-	13.680.000	16.000.000	454.191.250	
3	Ông Phan Văn Nhân (sử dụng đất) - bà Võ Thị Lưu (đúng tên CCNSĐB)	685,80			-	-	-	432.534.060	-	-	-	-	-	-	-	432.534.060	
TỔNG CỘNG		2.323,70	-	-	-	-	-	852.517.190	1.336.614.439	33.238.826	-	-	-	13.680.000	36.000.000	2.272.050.455	
1. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, hộ gia đình, cá nhân:																	
Trong đó:																	
- Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc (85%)																	
- Kinh phí của UBND xã Xuân Quế (15%)																	
Tổng cộng:																	
2. Kinh phí của Tổ chức thực hiện bồi thường: 3,5%																	
Trong đó:																	
- Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc (85%)																	
- Kinh phí của UBND xã Xuân Quế (15%)																	
Tổng cộng:																	



PHƯƠNG ÁN
(đợt 6 bổ sung dự kiến)

Chi tiết Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc Dự án Thành phần 1-2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Đồng Nai thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua xã Xuân Quế

1. Thông tin người sử dụng đất:

Họ và tên: Ông Phan Văn Nhân (sử dụng đất) - bà Võ Thị Lựu (đứng tên GCNQSDĐ)

Mã số định danh/căn cước: 045076001213; Ngày cấp: 01/5/2021

Địa chỉ thường trú: xã Xuân Quế, Tp. Đồng Nai

Số điện thoại: 0369508608

2. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi, tài sản:

Vị trí đất: Xã Xuân Quế, thành phố Đồng Nai.

Diện tích đất thu hồi: 84621,9 m²

Loại đất thu hồi: Đất trồng cây lâu năm (CLN)

2.1. Về nguồn gốc đất:

Tại Giấy xác nhận nguồn gốc đất số 173/UBND-GXN ngày 8/9/2026 của UBND xã Xuân Quế xác nhận:

Thửa đất 573, tờ bản đồ địa chính số 87, diện tích là 9339,6 m², loại đất CLN, xã Xuân Quế. Đất tương ứng thửa 307 tờ 06, bản đồ địa chính xã Sông Nhạn (cũ) Bà Võ Thị Lựu sử dụng được UBND huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai (cũ) cấp giấy CNQSDĐ số phát hành K 447214, ngày 24/6/1997 được VPĐKĐD tỉnh Đồng Nai - chi nhánh Cẩm Mỹ (cũ) ký chính lý ngày 18/3/2024. Đến ngày 23/4/2024 bà Võ Thị Lựu chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho ông Phan Văn Nhân theo hợp đồng số 21, Quyền số 01/2024-STC/HD,GD.

Theo thực lục bản đồ địa chính do Công ty Cổ phần Tư vấn Dịch vụ Đo đạc và bản đồ Tấn Phát thực hiện ngày 20/3/2026 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai xác lập, thửa đất có diện tích thu hồi nằm trong dự án là 5736,1m².

- Thửa đất đang sử dụng ổn định, không có tranh chấp.

Tại Giấy xác nhận nguồn gốc đất số 175/UBND-GXN ngày 07/10/2026 của UBND xã Xuân Quế xác nhận:

- Căn cứ vào phiếu ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất; Danh sách công khai số 10/CKHS-DK-DD ngày 24/9/2026 của UBND xã Xuân Quế và biên bản kết thúc về việc niêm yết công khai sau 15 ngày.

Thửa đất số 576, tờ bản đồ địa chính số 87, diện tích 763,1m², loại đất CLN, xã Xuân Quế. Đất tương ứng một phần thửa 306, tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính xã Sông Nhạn (cũ) thành lập năm 1996. Theo hồ sơ địa chính thì thửa đất số 306, tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính xã Sông Nhạn (cũ) đã được Nông trường cao su Ông Quế đăng ký sử dụng nhưng chưa ghi nhận việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 18/9/2026, Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai có văn bản số 1379/CSBN-QLKT Về việc xác nhận nguồn gốc thửa đất số 576, tờ bản đồ số 87 tại xã Xuân Quế với nội dung thửa đất nêu trên Tổng Công ty Cao su Đồng Nai không quản lý, sử dụng, ranh giới không tiếp giáp với đất của Tổng Công ty.

Đất do bà Võ Thị Lựu khai phá năm 1989, đến năm 1997 sang nhượng lại cho ông Phan Văn Nhân sử dụng ổn định, liên tục không tranh chấp. Thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận. Thửa đất không thuộc đất công do UBND xã quản lý.

Theo HSKT được công ty cổ phần tư vấn dịch vụ đo đạc và bản đồ Tấn Phát lập ngày 20/3/2026, thửa đất có diện tích thu hồi nằm trong dự án là 685,8m².

Thửa đất đang sử dụng ổn định, không có tranh chấp, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận.

2.2. Vị trí thửa đất:

Tại Văn bản số 579/VPĐK.CM-DK&CGCN ngày 2/05/2026 của Văn phòng ĐKKĐ Tp Đồng Nai - Chi nhánh Cẩm Mỹ xác nhận Thửa đất số 573, tờ bản đồ địa chính số 87 có vị trí thửa đất không tiếp giáp đường, cách đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế khoảng 6m. Vị trí 2 (STT 14)

2.3. Về nguồn gốc nhà, công trình, vật kiến trúc:

Hiện trạng trên đất chỉ có cây trồng, không có tài sản, vật kiến trúc.

Qua rà soát hồ sơ lưu trữ tại UBND xã thì đất của ông Phan Văn Nhân không bị xử phạt vi phạm hành chính hiện trạng trên đất trồng cây lâu năm. Hiện sử dụng ổn định không tranh chấp.

3. Giá đất và tài sản tính tiền bồi thường:

3.1. Giá đất:

Căn cứ: Nghị Quyết 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai, Nghị Quyết quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí trong bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Nghị Quyết 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai, Nghị quyết ban hành Quy định về bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026; Quyết định số: 03 /2026/QĐ-UBND thành phố Đồng Nai, ngày 11 tháng 5 năm 2026 ban hành Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026.

3.2. Giá trị bồi thường, hỗ trợ bằng tiền:

STT	TÊN TÀI SẢN	DVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số K			Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	đã phê duyệt bổ sung theo Quyết định số 1779/QĐ-UBND ngày 02/10/2026 của UBND xã Xuân Quế (đợt 6) (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					PL1	PL2	PL3	BT	HT				
I	Bồi thường về đất									1.517.861.541	1.085.327.481	432.534.060	
1	Thửa đất số 573, tờ bản đồ số 87									1.085.327.481	1.085.327.481		
-	Đất Trồng cây lâu năm; thửa đất không tiếp giáp đường, cách đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế khoảng 6m. Vị trí 2	m ²	5736,1	159.000	1,19				100	1.085.327.481	1.085.327.481		STT 14
2	Thửa đất số 576, tờ bản đồ số 87									432.534.060	-	432.534.060	
-	Đất Trồng cây lâu năm; Mặt tiền đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế. Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Đường đến giáp ranh xã Bình An. Vị trí 1, phạm vi 1	m ²	685,8	530.000	1,19				100	432.534.060	-	432.534.060	STT 2
II	Cây trồng:									197.459.491	197.459.491		
STT	Tên cây trồng	DVT	Số lượng	Đơn giá	Mật độ cây/ha		Tỷ lệ BT, hỗ trợ			Thành tiền	Thành tiền		
1	Keo lá tràm >25 cm	cây	1147	172.153	2000		100%			197.459.491	197.459.491		

Đơn giá theo Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025, Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai; Khoản 5 điều 19 QĐ số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; khoản 3 điều 7 QĐ số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025

III	Các chính sách HT								855.000	855.000		Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (%)
1	Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất: Thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng, không phải di chuyển chỗ ở = (3 tháng x 15kg gạo x 19.000 đồng).	Nhân khẩu	1	855.000			1	100	855.000	855.000		27,20%
CỘNG									1.716.176.032	1.283.641.972	432.534.060	
THƯỜNG ĐỔI VỚI NGƯỜI CÓ ĐẤT THU HỒI BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN									20.000.000	20.000.000	-	
TỔNG CỘNG									1.736.176.032	1.303.641.972	432.534.060	

Viết bằng chữ:

Bốn trăm ba hai triệu, năm trăm ba mươi bốn đồng, không sáu mươi đồng



PHƯƠNG ÁN (dự kiến)

Chi tiết Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc Dự án Thành phần 1-2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Đồng Nai thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua xã Xuân Quế

1. Thông tin người sử dụng đất:

Họ và tên: Ông Đặng Văn Quang và bà Ngô Thị Bạch Tuyết

Mã số định danh/số căn cước: 075070013262 cấp ngày 09/8/2021

Địa chỉ thường trú: ấp Cẩm Đường, xã Xuân Đường, Tp. Đồng Nai

Số điện thoại: 0903988672 (tuần lễ) 0937881126 (quang)

2. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi, tài sản:

Vị trí đất: Xã Xuân Quế, thành phố Đồng Nai.

Diện tích đất thu hồi: 665,9 m²

Loại đất thu hồi: Đất trồng cây lâu năm (CLN)

2.1. Về nguồn gốc đất: kèm biên bản xác minh nguồn gốc hiện trạng ngày 16/9/2026 của Phòng Kinh tế xã Xuân Quế

Tại Giấy xác nhận nguồn gốc đất số 174/UBND-GXN ngày 08/9/2026 của UBND xã Xuân Quế xác nhận:

Thửa đất số 212, tờ bản đồ số 10 xã Sông Nhạn đã được UBND huyện Long Khánh (cũ), cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 587, ngày 02/5/1997 cho ông Nguyễn Văn Tạo. Theo bản đồ địa chính hiện nay là thửa đất số 7, tờ bản đồ số 109 diện tích 842,4m² xã Xuân Quế.

Qua rà soát, xác minh thì thửa đất số 212, tờ bản đồ số 10 xã Sông Nhạn đã được UBND huyện Long Khánh (cũ), cấp nhằm cho ông Nguyễn Văn Tạo (chưa thực hiện việc thu hồi giấy), thực tế thì thửa đất nêu trên là của ông Lương Tỏi Ý khai phá năm 1980 và sử dụng đến năm 1995 thì bán lại bằng giấy viết tay cho ông Tsan Cún Giêng và bà Hỷ Nhục Cú sử dụng đến ngày 30/11/2001 bán lại cho ông Đặng Văn Quang và bà Ngô Thị Bạch Tuyết bằng giấy viết tay sử dụng, không tranh chấp, hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận cho ông Đặng Văn Quang và bà Ngô Thị Bạch Tuyết. (Đính kèm Biên bản xác minh nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất và biên bản thỏa thuận về việc quy chủ sử dụng).

Theo trích lục bản đồ địa chính do Công ty Cổ phần Tư vấn Dịch vụ Đo đạc và bản đồ Tấn Phát thực hiện ngày 20/3/2026, thửa đất có diện tích thu hồi nằm trong dự án là 665,9m².

2.2. Vị trí thửa đất:

Tại Văn bản số 339/VPĐK.CM-ĐK&CGCN ngày 26/6/2026 của Văn phòng ĐKDD Tp Đồng Nai - Chi nhánh Cẩm Mỹ xác nhận Thửa đất số 7 tờ bản đồ địa chính số 101 có vị trí mặt tiền đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế. Vị trí 1, phạm vi 1 (STT 115)

2.3. Về nguồn gốc nhà, công trình, vật kiến trúc:

Qua rà soát hồ sơ lưu trữ tại UBND xã thì đất của ông Đặng Văn Quang và bà Ngô Thị Bạch Tuyết không bị xử phạt vi phạm hành chính hiện trạng đất trồng có thức ăn chăn nuôi. Hiện sử dụng ổn định không tranh chấp.

3. Giá đất và tài sản tính tiền bồi thường:

3.1. Giá đất:

Căn cứ: Nghị Quyết 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai, Nghị Quyết quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí trong bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Nghị Quyết 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai, Nghị quyết ban hành Quy định về bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026; Quyết định số: 03 /2026/QĐ-UBND thành phố Đồng Nai, ngày 11 tháng 5 năm 2026 ban hành Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026.

3.2. Giá trị bồi thường, hỗ trợ bằng tiền:

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số K			Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					PL1	PL2	PL3	BT	HT		
1	Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 109									419.983.130	
-	Đất trồng cây lâu năm; Vị trí 1, phạm vi 1; Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế	m²	665,9	530.000	1,19			100%		419.983.130	STT 115
II	Cây trồng:									4.528.120	
STT	Tên cây trồng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Mật độ cây/ha			Tỷ lệ BT, hỗ trợ		Thành tiền	
1	Cỏ thức ăn chăn nuôi	ha	0,06659	68.000.000	-			100%		4.528.120	
Đơn giá theo Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025, Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai; Khoản 5 điều 19 QĐ số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; khoản 3 điều 7 QĐ số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025											
III	Các chính sách HT									13.680.000	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (%)

1	Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất: Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng, không phải di chuyển chỗ ở = (12 tháng x 30kg gạo x 19.000 đồng).	Nhân khẩu	2	6.840.000					100	13.680.000	79,00%
CỘNG										438.191.250	
THƯỜNG ĐỔI VỚI NGƯỜI CÓ ĐẤT THU HỒI BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN										16.000.000	
TỔNG CỘNG										454.191.250	

Viết bằng chữ: Bốn trăm năm mươi bốn triệu, một trăm chín một nghìn, hai trăm mười đồng.



PHƯƠNG ÁN (dự kiến)

Chi tiết Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc Dự án Thành phần 1-2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua xã Xuân Quế

1. Thông tin người sử dụng đất:

Họ và tên: Giáo xứ Xuân Nhạn

Mã số định danh/số căn cước: 033068012977 cấp ngày 8/7/2021

Địa chỉ thường trú: ấp 6, xã Xuân Quế, Tp. Đồng Nai

Số điện thoại: 0356219117

2. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi, tài sản:

Vị trí đất: Xã Xuân Quế, thành phố Đồng Nai.

Diện tích đất thu hồi: 972,0 m²

Loại đất thu hồi: Đất tôn giáo (TON)

2.1. Về nguồn gốc đất:

Tại Giấy xác nhận nguồn gốc đất số 163/UBND-GXN ngày 15/8/2026 của UBND xã Xuân Quế xác nhận:

Thửa đất số 975, tờ bản đồ số 11 xã Sông Nhạn (cũ), diện tích 7120m² (trong đó có 972m² diện tích thu hồi nằm trong dự án), loại đất TON, được sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp GCNQSDĐ số vào sổ T 00003, cấp ngày 29/9/2009 cho Giáo xứ Xuân Nhạn; Thửa đất số 987, tờ bản đồ số 11 xã Sông Nhạn (cũ), diện tích 1097m², loại đất HNK, được UBND huyện Cẩm Mỹ cấp GCNQSDĐ số vào sổ CH 00397, cấp ngày 05/11/2010 cho ông Nguyễn Văn Tốt (không nằm trong diện tích thu hồi); Thửa đất số 978, tờ bản đồ số 11 xã Sông Nhạn (cũ), diện tích 1207m², loại đất HNK, được UBND huyện Cẩm Mỹ cấp GCNQSDĐ số vào sổ CH 00398, cấp ngày 05/11/2010 cho ông Nguyễn Văn Tốt (không nằm trong diện tích thu hồi), theo bản đồ địa chính hiện nay 03 thửa đất trên được hợp thành thửa đất số 55, tờ bản đồ số 87 diện tích 9655,1m² loại đất TON xã Xuân Quế sử dụng ổn định không có tranh chấp.

Theo trích lục bản đồ địa chính do Công ty Cổ phần Tư vấn Dịch vụ Đo đạc và bản đồ Tấn Phát thực hiện ngày 20/3/2026, thửa đất có diện tích thu hồi nằm trong dự án là 972m².

Giáo xứ Xuân Nhạn, bị thu hồi một phần diện đất TON; không thuộc trường hợp bị thu hồi đất ở, nhà ở.

2.2. Vị trí thửa đất:

Tại Văn bản số 981/VPDK.CM-ĐK&CGCN ngày 03/10/2026 của Văn phòng ĐKDD Tp Đồng Nai - Chi nhánh Cẩm Mỹ xác nhận Thửa đất số 55 tờ 87 Mặt tiền đường bê tông có bề rộng từ >5m, đầu nối trực tiếp, cách đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế < 1000m. Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Đường đến giáp ranh xã Bình An.

Diện tích 972m²: vị trí 1, phạm vi 1 (STT 1)

2.3. Về nguồn gốc nhà, công trình, vật kiến trúc:

Qua rà soát hồ sơ lưu trữ tại UBND xã thì đất của Giáo xứ Xuân Nhạn thời điểm hiện tại chưa ghi nhận việc bị xử phạt vi phạm hành chính. Thời điểm tạo lập tài sản trên đất từ tháng 02 năm 2010 theo giấy phép xây dựng số 14/GPXD được Sở xây dựng Đồng Nai cấp ngày 29/01/2010. Hiện trạng trên đất tài sản, công trình và vật kiến trúc như biên bản kiểm đếm ngày 30/6/2026. Hiện sử dụng ổn định không tranh chấp.

3. Giá đất và tài sản tính tiền bồi thường:

3.1. Giá đất:

Căn cứ: Nghị Quyết 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai, Nghị Quyết quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí trong bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Nghị Quyết 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai, Nghị quyết ban hành Quy định về bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026; Quyết định số: 03 /2026/QĐ-UBND thành phố Đồng Nai, ngày 11 tháng 5 năm 2026 ban hành Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026.

3.2. Giá trị bồi thường, hỗ trợ bằng tiền:

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số K			Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					PL1	PL2	PL3	BT	HT		
1	Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 87: (Không được bồi thường về đất quy định tại điều 101 của Luật đất đai 2024)										
-	Đất trồng cây lâu năm; Mặt tiền đường bê tông có bề rộng từ >5m, đầu nối trực tiếp, cách đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế < 1000m. Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Đường đến: vị trí 1, phạm vi 1 (STT 1)	m²	972,00						-		STT 1
II	Cây trồng:									28.710.706	
STT	Tên cây trồng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Mật độ cây/ha			Tỷ lệ BT, hỗ trợ		Thành tiền	
1	Sanh cánh > 80cm, đường kính tán> 1.5m, chiều cao>2.0m	cây	2	2.716.000	-			100%		5.432.000	
2	Họ cây mai từ năm thứ 11 đến năm thứ 15	cây	4	128.500	-			100%		514.000	
3	Họ cây mai từ năm thứ 5 đến năm thứ 10	cây	4	72.300	-			100%		289.200	

4	Hoa giấy từ năm thứ 5 đến năm thứ 10	cây	5	72.300	-	100%	361.500	
5	Nguyệt quế	cây	15	187.000	-	100%	2.805.000	
6	Cau	cây	1	187.000	-	100%	187.000	
7	Cây phát tài lớn cây cao từ 2m trở lên	cây	6	50.000	-	100%	300.000	
8	Cỏ đậu phụng	m2	135	57.000	-	100%	7.695.000	áp cỏ lông heo, cỏ nhung
9	Bảng lã >39-42 cm	cây	1	959.377	833	100%	959.377	
10	Cây me Năm thu hoạch thứ 16 trở đi	cây	1	2.531.467	156	100%	2.531.467	
11	Thông dả lạt >42 cm	cây	2	1.292.081	833	100%	2.584.162	
12	Hỗ trợ di chuyển chậu kiểng (có trồng cây) bằng sành, xi măng, sắt, nhựa trường hợp dưới 100 chậu/ hộ chậu có đường kính >80cm	chậu	30	168.400	-	100%	5.052.000	

Đơn giá theo Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025, Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai; Khoản 5 điều 19 QĐ số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; khoản 3 điều 7 QĐ số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025

III	Nhà, công trình, vật kiến trúc: Đơn giá theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai; Mức hỗ trợ theo khoản 2, Điều 19, Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai; Thời điểm tạo lập tài sản trên đất từ tháng 02 năm 2010 theo giấy phép xây dựng số 14/GPXD được Sở xây dựng Đồng Nai cấp ngày 29/01/2010.					1.336.614.439	
STT	Danh mục tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, hỗ trợ	Thành tiền	
1	Nền lát gạch con sấu, gạch Terrazzo	m2	693	288.000	100%	199.584.000	
2	Trụ điện bằng ống sắt tráng kẽm D90 cao 6m	trụ	3	864.000	100%	2.592.000	
3	Đài Đức mẹ (Đá Granite)	m2	1,395	1.050.000	100%	1.464.750	CÔNG BỐ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI THÁNG 09/2026 Đá Granite tự nhiên (khu vực Xuân Lộc)
4	Bệ thờ đá Granit nguyên khối	m2	1,050	1.050.000	100%	1.102.500	CÔNG BỐ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI THÁNG 09/2026 Đá Granite tự nhiên (khu vực Xuân Lộc)
5	Bệ thờ đá Granit nguyên khối	m2	2,310	1.050.000	100%	2.425.500	CÔNG BỐ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI THÁNG 09/2026 Đá Granite tự nhiên (khu vực Xuân Lộc)
6	Bảng tên nhà thờ (đá Granit)	m2	8,400	1.050.000	100%	8.820.000	
7	Trụ cổng BTCT	m3	4,644	4.493.000	100%	20.865.492	
8	Cánh cổng bằng sắt	m2	33,970	1.008.000	100%	34.241.760	
9	Trụ cổng, bờ kè xây đá	m3	17,550	1.798.000	100%	31.554.900	
10	Di dời hàng rào sắt	m	35,100	26.000	100%	912.600	
11	Trụ hàng rào bê tông	m3	6,379	4.493.000	100%	28.659.724	
12	Trụ cổng, bờ kè xây đá	m3		1.798.000	100%	-	
13	Bờ rào xây bằng gạch	m2	32,400	382.000	100%	12.376.800	
14	Di dời hàng rào sắt	m	40,500	26.000	100%	1.053.000	
15	Trụ cổng, bờ kè (logo bảng hiệu tên nhà thờ)	m3	5,940	1.798.000	100%	10.680.120	
16	Non bộ (đài đức mẹ)	m3	84,000	1.440.000	100%	120.960.000	
17	Chi phí di dời Chuông đồng	HT	1	23.655.500	100%	23.655.500	theo chứng thư thẩm định giá
18	Bồi thường Tháp chuông giáo xứ Xuân Nhạn	m²	27,500	30.387.847	100%	835.665.793	theo chứng thư thẩm định giá
CỘNG						1.365.325.145	
THƯỞNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ ĐẤT THU HỒI BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN						20.000.000	
TỔNG CỘNG						1.385.325.145	

Viết bằng chữ:

Một tỷ, ba trăm tám mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm bốn mươi lăm đồng.